

**TÊN TỔ CHỨC**  
**ORGANIZATION NAME**

Số: 230/2025/CV-LBM  
No.: 230/2025/CV-LBM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

*Lâm Đồng , ngày 21 tháng 10 năm 2025*  
*Lam Dong , day 21 month 10 year 2025*

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG**

***CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION***

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**  
**To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động số 5800391633 ngày 26/09/2025, do (cơ quan) sở tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động/ giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

*Pursuant to the Certificate of Business Registration/License for Establishment and Operation/License for Operation No. 5800391633 dated September 26, 2025, issued by the Department of Finance of Lam Dong province, we respectfully announce the change of the Certificate of Business Registration/License for Establishment and Operation/License for Operation/Certificate of Change in Business Registration Content of our Company as follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization : Công ty Cổ phần khoáng sản và VLXD Lâm Đồng / *Lam Dong Mineral and building Material Joint stock Company*
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: LBM
- Địa chỉ/Address: 87 phù đồng thiên vương, phường lâm viên - đà lạt, lâm đồng / *87 Phu Dong Thien Vuong, Lam Vien Ward - Da Lat, Lam Dong*
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02633.832.511 Fax:
- E-mail:

- Website: lbm-vn.vn

1. Thông tin trước khi thay đổi/*Information before change*:
2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change*
3. Lý do thay đổi (nếu có)/*Reason for change (if any)*: thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/ *change business registration content*
4. Ngày có hiệu lực/*Effective date*: 15/10/2025
5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động/Giấy xác nhận/ *Receipt date of new certificate of business registration/license of establishment and operation/license of operation/ Certificate* : 20/10/2025
6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/10/2025 /*This information was published on the company's website on 21/10/2025 (date)*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Giấy phép hoạt động mới  
New Certificate/License

**Đại diện tổ chức**

**Organization representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

*Legal representative/ Person authorized to disclose information  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

*(Signature, full name, position, and seal)*

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Lê Nam Đồng*

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Số:



## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Lâm Đồng

Địa chỉ trụ sở: Số 36, Trần Phú, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 02633532268-0263 3827165  
02633834806

Số Fax:

Thư điện tử: dkkd.skh@lamdong.gov.vn

Website:

#### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Mã số doanh nghiệp: 5800391633

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành                                                         | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                   | 0810        |
| 2   | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                        | 2391        |
| 3   | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                             | 2392        |
| 4   | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                     | 2393        |
| 5   | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao | 2395        |
| 6   | Xây dựng nhà để ở                                                 | 4101        |
| 7   | Xây dựng nhà không để ở                                           | 4102        |
| 8   | Phá dỡ                                                            | 4311        |
| 9   | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                               | 4390        |
| 10  | Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn).                           | 4312        |
| 11  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng           | 4663(Chính) |
| 12  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                    | 4933        |
| 13  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                    | 4330        |
| 14  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                       | 5210        |



| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 15  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225     |
| 16  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6810     |
| 17  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, cảng biển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5224     |
| 18  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7710     |
| 19  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730     |
| 20  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0210     |
| 21  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ<br>(loại trừ chế biến gỗ tròn, gỗ rừng tự nhiên)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1610     |
| 22  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1621     |
| 23  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>Chi tiết: Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong ngành xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1622     |
| 24  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3100     |
| 25  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4649     |
| 26  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4759     |
| 27  | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác đất san lấp, vật liệu san lấp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0899     |
| 28  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá). | 7120     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 29  | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Đánh giá chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Chứng nhận hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn, giám định thương mại; Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</p> <p>(Trừ dịch vụ kiểm định (kiểm tra, thử nghiệm) và cấp Giấy chứng nhận cho các phương tiện giao thông vận tải (gồm hệ thống, tổng thành, thiết bị, linh kiện của phương tiện); dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị chuyên dùng, container, thiết bị đóng gói hàng nguy hiểm dùng trong giao thông vận tải; dịch vụ kiểm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được lắp đặt trên các phương tiện giao thông vận tải và phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển; dịch vụ đăng kiểm tàu cá).</p> | 7490                                                                  |
| 30  | (Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề có điều kiện.)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam *</p> |

**Nơi nhận:**

-CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG . Địa chỉ:Số 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

-.....;

- Lưu: Đặng Hoài Nam.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Trần Loan Anh*